

Bản án số: 08/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 24-02-2025

V/v “*Tranh chấp không công
nhận quan hệ vợ chồng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Hằng Ni.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thành Trung.

Ông Tôn Văn Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Lê Lộc – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Vào ngày 24 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý: 20/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2025 về việc: “Tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Ú, sinh năm 1973 (xin vắng mặt).

HKTT: Ấp R, xã M, thị xã C, Tiền Giang.

Chỗ ở hiện nay: Ấp K, xã M, thị xã C, Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Ông Mai Văn Hoàng E, sinh năm 1972 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp K, xã M, thị xã C, Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ú trình bày: Bà với ông Mai Văn Hoàng E tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1989, không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc tuy có những mâu thuẫn nhưng ông bà luôn hàn gắn để cùng nhau chăm lo cho gia đình. Đến năm 2010 phát sinh mâu thuẫn trầm trọng nguyên nhân do ông Hoàng E thường xuyên chửi bới xúc phạm danh dự nhân phẩm của bà, nhiều lần tác động vật ký bà, ghen tuông vô cớ và không quan tâm gia đình. Khi xảy ra mâu thuẫn, bà cũng đã nhiều lần khuyên ông Hoàng E và hàn gắn tình cảm vợ chồng để chăm lo và vun đắp hạnh phúc gia đình nhưng sau đó mâu thuẫn lại xảy ra ngày càng trầm trọng hơn. Ông bà đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Do mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm không còn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà với ông E.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Mai Chí P, sinh ngày 12/7/1990 và Mai Thị Tuyết N sinh ngày 22/8/1992. Đối với 02 con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Mai Văn Hoàng E trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà Nguyễn Thị Ú về quá trình tiến đến hôn nhân, vợ chồng chung sống từ năm 1989 đến nay không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của bà Ú, ông có ý kiến như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông đồng ý không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông với bà Ú.

- Về con chung: Có 02 con chung như bà Ú trình bày. Do các con đã thành niên, tự lao động được nên ông không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xác định đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ú và bị đơn ông Mai Văn Hoàng E đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ú và ông Mai Văn Hoàng E sống chung vợ chồng từ 1989, đến nay tuy có đủ điều kiện kết hôn nhưng vẫn không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do vậy, Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận bà Nguyễn Thị Ú với ông Mai Văn Hoàng E là vợ chồng.

[4] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Ú và ông Mai Văn Hoàng E trình bày quá trình chung sống có 02 con chung tên Mai Chí P, sinh ngày 12/7/1990 và Mai Thị Tuyết N sinh ngày 22/8/1992 đã thành niên, tự lao động được nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Ú và ông Mai Văn Hoàng E trình bày không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ú phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, điểm a khoản 5 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị Ú với ông Mai Văn Hoàng E là vợ chồng.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ú phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000591 ngày 07/01/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên xem như đã thi hành xong.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSNDTXCai Lậy;
- CCTHADSTXCai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Dương Thị Hằng Ni

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSNDTXCai Lậy;
- CCTHADSTXCai Lậy;
- Cơ quCươngthực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Dương Thị Hằng Ni

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSNDTXCai Lậy;
- CCTHADSTXCai Lậy;
- Cơ quCươngthực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- CC THADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã M, huyện C, TG;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

‘

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- CC THADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã Đăng Khánh, thị xã C, TG
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Dương Thị Hằng N2

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Và **THỊ XÃ CAI LẬY**, ngày 24 tháng 02 năm 2025 **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
TỈNH TIỀN GIANG nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Hằng N2.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thành T.

Ông Tôn Văn H.

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số
20/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2025 về việc: “Tranh chấp không
công nhận quan hệ vợ chồng” giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Ú, sinh năm 1973 (xin vắng mặt).

HKTT: Ấp R, xã M, thị xã C, Tiền Giang.

Chỗ ở hiện nay: Ấp K, xã M, thị xã C, Tiền Giang.

- *Bị đơn*: Ông Mai Văn Hoàng E, sinh năm 1972 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp K, xã M, thị xã C, Tiền Giang.

*Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh
tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật⁽⁸⁾.*

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Căn cứ vào khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1
Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm
2015; khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a
khoản 5 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban
thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử
dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị Ú với ông Mai
Văn Hoàng E là vợ chồng.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ú phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân
sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số
0000591 ngày 07/01/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh
Tiền Giang nên xem như đã thi hành xong.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong
thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc

không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Kết quả biểu quyết: 3/3 (100%).

Nghị án kết thúc vào hồi..... giờ..... phút, ngày 24 tháng 02 năm 2025.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

(Ký tên, ghi rõ họ tên)

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)